TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 1 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 1
PHIẾU SỐ 36

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Trong các số 5, 0, 4, 6, số bé nhất là:

A. 5 **B.** 6 **C.** 0 **D.** 4

Câu 2. Kết quả của phép tính 0 + 8 là:

A. 8 **B.** 5 **C.** 9 **D.** 7

Câu 3. Trong hình dưới đây có bao nhiêu hình chữ nhật?

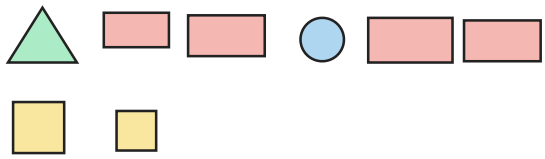

A. 5 **B.** 3 **C.** 6 **D.** 4

Câu 4. So sánh số ngôi sao ở hàng trên với số củ cà rốt ở hàng dưới. Số ngôi sao ……. số củ cà rốt.



A. nhiều hơn **B.** bằng **C.** ít hơn

Câu 5. Đồ vật nào dưới đây có dạng khối lập phương?

A. con xúc xắc **B.** hộp sữa giấy **C.** viên bi **D.** quả bóng

Câu 6. Nhìn hình dưới đây, hình ở ngay bên phải hình tam giác là hình nào?



A. Hình tròn **B.** Hình vuông

C. Hình tam giác **D.** Hình chữ nhật

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm:

a) 8 9

b) 2 + 6 7

c) 4 ..... 5 − 0

d) 8 ..... 4 + 4

Bài 2. Số? Mỗi ngôi nhà có số trên mái bằng tổng hai số ở hai ô bên dưới.

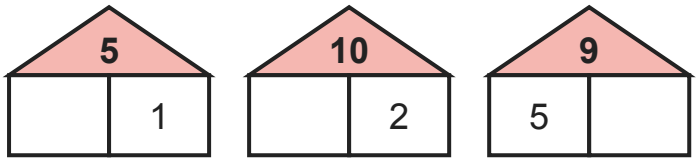

a) Nhà số 5: ô trống là .....

b) Nhà số 10: ô trống là .....

c) Nhà số 9: ô trống là .....

Bài 3. Quan sát hình rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Có ..... hình tròn.

b) Có ..... hình vuông.

c) Có ..... hình tam giác.

Bài 4. Tính nhẩm:

a) 3 − 0 = ...

b) 7 − 6 = ...

c) 8 + 1 = ...

d) 1 + 7 = ...

Bài 5. Dưới ao có 7 con vịt. Có thêm 3 con vịt xuống ao. Dưới ao có tất cả bao nhiêu con vịt? Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Trả lời: Có tất cả ..... con vịt.

Bài 6. Đếm hình:

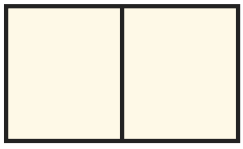

a) Hình bên có ..... hình chữ nhật.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 1 · Phiếu số 36

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	A	D	C	A	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) $8 < 9$

b) $2 + 6 > 7$

c) $4 < 5 - 0$

d) $8 = 4 + 4$

Bài 2.

a) $5 = 4 + 1$

b) $10 = 8 + 2$

c) $9 = 5 + 4$

Bài 3.

a) Có 1 hình tròn.

b) Có 1 hình vuông.

c) Có 3 hình tam giác.

Bài 4.

a) $3 - 0 = 3$

b) $7 - 6 = 1$

c) $8 + 1 = 9$

d) $1 + 7 = 8$

Bài 5.

Phép tính: $7 + 3 = 10$ (hoặc $3 + 7 = 10$). Trả lời: 10 con vịt.

Bài 6.

Có 2 hình chữ nhật nhỏ và 1 hình chữ nhật lớn: 3 hình chữ nhật.